

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100100304 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/7/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số 31/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 01 năm 2016)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 22/01/2016 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Địa chỉ: 47 Phố Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (04) 3942 4634 Fax: (04) 3942 2350
Website: <http://www.coalimex.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 2-3-4, Số 2C Thái Phiên, Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại: (04) 6288 2006 Fax: (04) 6288 2008
Website: <http://www.vdsc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Phạm Hồng Khanh

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Điện thoại: 0913209437

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

*(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100100304 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp
ngày 25/01/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/7/2015)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	CLM
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	11.000.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	110.000.000.000 đồng (Một trăm mười tỷ đồng)

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 6664 4488 Fax: (04) 6664 2233

Websites: [http:// www.pkf.afcvietnam.vn](http://www.pkf.afcvietnam.vn)

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 2-3-4, Số 2C Thái Phiên, Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 6288 2006 Fax: (04) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù ngành	6
4. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán	8
5. Rủi ro khác	8
II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	10
IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
1.1. Tổng quan về Công ty	11
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển	12
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	17
4. Danh sách cổ đông	18
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tính đến thời điểm 04/9/2015	18
4.2. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 04/9/2015	19
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	19
5.1. Công ty Mẹ của Coalimex	19
5.2. Danh sách công ty con của Coalimex	20
5.3. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát Coalimex	20
5.4. Danh sách công ty mà Coalimex nắm giữ quyền kiểm soát	20
6. Hoạt động kinh doanh	20
6.1. Xuất nhập khẩu than	20
6.2. Nhập khẩu ủy thác - Cung ứng vật tư, máy móc thiết bị	21
6.3. Hoạt động xuất khẩu lao động	21
6.4. Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê	21

6.5.	Sản lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty trong năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015	23
6.6.	Nguyên vật liệu	25
6.7.	Chi phí sản xuất	26
6.8.	Trình độ công nghệ	28
6.9.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	28
6.10.	Hoạt động marketing	28
6.11.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	29
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015	30
7.1.	Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 và 6 tháng đầu năm 2015	30
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014	32
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
8.1.	Vị thế của Công ty trong ngành	32
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành	33
8.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước	35
9.	Chính sách đối với người lao động	36
10.	Chính sách cổ tức	37
11.	Tình hình tài chính	38
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	38
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	44
12.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	47
12.1.	Hội đồng quản trị	47
12.2.	Ban Giám đốc	54
12.3.	Ban Kiểm soát	56
12.4.	Kế toán trưởng	60
13.	Tài sản	62
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2015	64
14.1.	Kế hoạch kinh doanh	64
14.2.	Căn cứ thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	65
14.3.	Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua	66
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	67
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	67
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	67
V	CỔ PHIẾU CHÀO NIÊM YẾT	68

1.	Loại cổ phiếu	68
2.	Mệnh giá	68
3.	Mã chứng khoán.....	68
4.	Tổng số cổ phần dự kiến niêm yết	68
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	68
6.	Phương pháp tính giá	69
6.1.	<i>Giá trị sổ sách.....</i>	69
6.2.	<i>Định giá theo phương pháp P/B.....</i>	70
6.3.	<i>Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E.....</i>	70
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	70
8.	Các loại thuế có liên quan	70
VI	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	72
1.	Tổ chức tư vấn.....	72
2.	Tổ chức kiểm toán	72
VII	PHỤ LỤC	73
VIII	CHỮ KÝ	74

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế thế giới trong năm 2016 được dự báo sẽ tăng trưởng khả quan hơn năm 2015. Tuy nhiên, viễn cảnh trở lại thời kỳ tăng trưởng mạnh mẽ và đồng bộ vẫn còn xa vời. Theo đánh giá từ IMF (International Monetary Fund - Quỹ tiền tệ quốc tế) nhận xét trong báo cáo triển vọng tháng 10/2015, dự báo tăng trưởng thế giới sẽ đạt 3,6% trong năm 2016, tăng từ mức 3,1% của năm 2015 và bằng mức tăng trưởng trung bình 3,5% trong giai đoạn năm 1980-2014.

Với nền kinh tế trong nước, năm 2015 được các chuyên gia kinh tế trong nước cho rằng là năm có triển vọng kinh tế lạc quan nhất trong kế hoạch 5 năm đã đề ra của Chính phủ với dự báo tốc độ tăng trưởng GDP 6,2%, lạm phát vẫn duy trì ở mức 4%. Trong năm 2015, một số cam kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - Liên minh Hải quan Nga – Belarus-Kazakhstan sớm được thực hiện. Đồng thời tiếp tục đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Việc thực hiện các hiệp định thương mại cũng như tham gia vào các cộng đồng kinh tế thế giới sớm giúp dẫn dắt các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận gần hơn với thị trường quốc tế, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng mạnh hơn so với năm trước. Ngoài ra, năm 2015 cũng là năm mà cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được chú trọng đẩy mạnh, những đề án cải cách, tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới chính sách để thu hút đầu tư, tận dụng nguồn nhân lực phát triển nền kinh tế... cũng được Quốc hội và Chính phủ tập trung hơn nữa, từ đó tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh và cạnh tranh công bằng.

Sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện ở tốc độ tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước, tạo thế và lực mới để tăng trưởng cao hơn trong năm tới. Cụ thể, tốc độ tăng GDP của cả năm đạt 6,68%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2015 so với năm 2014 là 0,63% Lạm phát cơ bản năm 2015 so năm 2014 là 2,05% (Số liệu từ Tổng Cục thống kê)

Trong nước, tình hình kinh tế về cơ bản ổn định, tuy nhiên hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lãi suất, lạm phát...là những yếu tố cơ bản hình thành nên hệ thống rủi ro kinh tế tác động trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong tình hình như hiện nay, Công ty chủ trương vận hành linh hoạt với sự biến động của thị trường, chủ động tìm kiếm cách thức huy động các nguồn vốn với chi phí rẻ đồng thời tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động nhằm duy trì tính hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro luật pháp

Rủi ro pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không đúng hoặc do sự thay đổi của các văn bản pháp luật đối với hoạt động của Công ty. Công ty Cổ phần Xuất khẩu than – Vinacomin hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, những thay đổi về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thành công, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản dưới luật. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề của Công ty cũng chịu sự chi phối của văn bản các ngành. Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, các quy định còn chồng chéo dẫn đến sự bị động của doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định về quản trị Doanh nghiệp cũng như của Thị trường Chứng khoán.

Để hạn chế những rủi ro do thay đổi các chính sách, quy định của pháp luật, Công ty luôn theo dõi, cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật đồng thời có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho cán bộ nhân viên trong Công ty về các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty và các lĩnh vực khác.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro tỷ giá

Biến động tỷ giá ngoại tệ là một trong những nhân tố ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những yếu tố khách quan, phụ thuộc vào các chính sách vĩ mô cũng như những biến động của tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đang áp dụng chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đây là chế độ tỷ giá thả nổi có quản lý do NHNN xác định trên cơ sở rổ tiền tệ của các nước có quan hệ thương mại, vay, trả nợ, đầu tư với Việt Nam phù hợp với mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

Từ đầu năm đến nay, trên thị trường quốc tế có nhiều diễn biến nằm ngoài dự báo của các tổ chức quốc tế và trong nước, chẳng hạn như giá dầu giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, sự cộng hưởng của việc Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) dự kiến tăng lãi

suất, sự suy thoái của kinh tế Châu Âu và cuộc khủng hoảng kinh tế Hy Lạp đã làm cho đồng USD tăng giá cao hơn nhiều so với dự kiến của FED. Thị trường ngoại hối và tỷ giá về cơ bản là ổn định các tháng qua. Tuy nhiên việc Trung Quốc điều chỉnh CNY giảm 1,9% trong ngày 11/8/2015, là mức giảm giá mạnh nhất trong vòng 2 thập kỷ qua, là một cú sốc mới từ bên ngoài, kéo theo một loạt đồng tiền Châu Á chủ chốt khác cũng như chỉ số giá trên thị trường hàng hóa quốc tế sụt giảm. Trung Quốc và các nước Châu Á lại là nhóm đối tác chiếm tỷ trọng thương mại lớn của Việt Nam, việc giảm giá đồng tiền của các nước này sẽ có tác động bất lợi tới tỷ giá và xuất nhập khẩu của Việt Nam. Do vậy, NHNN quyết định nới rộng biên độ tỷ giá liên tiếp từ +/-1% lên +/-2% vào ngày 12/8/2015 và +/-3% vào ngày 19/8/2015 để tạo sự chủ động, linh hoạt cho tỷ giá, cho hoạt động xuất nhập khẩu trước các tác động bất lợi trên thị trường.

Động thái nới rộng biên độ tỷ giá của NHNN 02 lần liên tiếp trong khoảng thời gian ngắn có tác động rất lớn tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, điều này đồng nghĩa với doanh thu xuất khẩu của Công ty sẽ tăng theo tiền đồng. Tuy nhiên, hoạt động nhập khẩu Công ty lại chịu tác động ngược lại khi đồng Việt Nam mất giá. Vì hai lĩnh vực này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty và có tác động ngược chiều nhau, nên xét về kết quả cuối cùng thì tác động của tỷ giá lên tổng doanh thu của Công ty không thay đổi đáng kể. Ngoài ra, Công ty có những dự báo và biện pháp thích hợp để giảm thiểu những tác động từ rủi ro tỷ giá trong quá trình kinh doanh như Công ty luôn ký hợp đồng với khách hàng, trong đó quy định rõ điều khoản giá bán vật tư, máy móc sẽ biến động cùng chiều với tỉ giá hối đoái giữa VNĐ và USD.

Rủi ro về chính sách

Hoạt động kinh doanh của Coalimex chủ yếu thuộc ngành than, khoáng sản. Do vậy, những thay đổi trong chính sách vĩ mô liên quan đến ngành, những thay đổi trong chính sách, định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đều ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Coalimex.

Với mục tiêu phát triển đa ngành, ngoài hoạt động xuất nhập khẩu vốn là thế mạnh của Công ty, Coalimex đang tập trung khai thác, mở rộng các thị trường giàu tiềm năng như các hoạt động đầu tư và xuất khẩu lao động... nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận, góp phần hạn chế rủi ro ngành (nếu có) cho Công ty.

Công tác xuất khẩu lao động tuy là lĩnh vực đóng góp nhiều tới sự nghiệp phát triển của Công ty nhưng do liên quan đến con người, phong tục tập quán của từng nước, mặt khác ý thức kỷ luật, chấp hành pháp luật và nhận thức xã hội của người lao động Việt Nam còn thấp nên rủi ro trong xuất khẩu lao động tương đối cao. Điều đó đòi hỏi Công ty phải có chiến lược phát triển

nguồn nhân lực thực sự chuyên sâu về các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

4. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu trên thị trường và chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình Kinh tế - Chính trị - Xã hội, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư...Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động. Ngoài ra, việc thay đổi những quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể phải chịu những rủi ro mang tính bất khả kháng khác như hỏa hoạn, thời tiết, thiên tai, dịch họa...có thể gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông	Vũ Văn Hà	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông	Phạm Hồng Khanh	Chức vụ: Giám đốc
Bà	Lê Thị Thu Trang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông	Trần Thế Thành	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Trần Thăng Long**
 Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin cung cấp.

III CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Công ty, Tổ chức đăng ký niêm yết	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
KTT	Kế toán trưởng
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội
Điều lệ Công ty	Điều lệ của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin
Coalimex	Tên giao dịch viết tắt của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin
TKV	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CMND	Giấy chứng minh nhân dân
CP	Cổ phần
UV	Ủy viên
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
CTCK	Công ty Chứng khoán
SXKD	Sản xuất kinh doanh
VND	Đơn vị tiền tệ Việt Nam
USD	Đơn vị tiền tệ Mỹ

IV TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tổng quan về Công ty

- Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**
- Tên tiếng Anh: **VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **COALIMEX**
- Logo:



- Trụ sở chính: Số 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 39424634
- Fax: (84.4) 39422350
- Website: www.coalimex.com.vn
- Email: coalimex@fpt.vn
- Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng (Một trăm mười tỷ đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0100100304 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/01/2005 , đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/7/2015.
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Hồng Khanh, Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại; khoáng sản, kim khí, nguyên nhiên, vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
 - Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
 - Hoạt động xuất khẩu lao động;

- Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác;

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngày 01/01/1982, Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất Nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng)

Sau khi Tổng Công ty Than được thành lập ngày 10/10/1994 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1995, ngày 01/4/1995, Bộ Năng lượng ra quyết định số 137NL/TCCB chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng vật tư – Coalimex về trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam. Đến ngày 25/12/1996 Công ty được đổi tên là Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế “Coalimex”.

Ngày 01/12/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex), trong đó: vốn điều lệ thành lập của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% giữ cổ phần chi phối.

Ngày 14/01/2005, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần.

Ngày 25/01/2005, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 59% vốn điều lệ.

Ngày 29/12/2006, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam đổi tên thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V- Coalimex) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006588, đăng ký thay đổi lần thứ ba.

Ngày 26/12/2008, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng lên 48.275.600.000 đồng và ngày 23/3/2009 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006588 thay đổi lần thứ bảy. Theo đó tỷ lệ vốn của Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.

Ngày 23/7/2015 Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 48.275.600.000 đồng lên 110 tỷ đồng. Ngày 30/7/2015, Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần mười ba với vốn điều lệ đăng ký là 110 tỷ đồng.

Ngày 17/5/2007, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN. Ngày 19/6/2014, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận

đăng ký chứng khoán số 45/2014/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là 4.827.560 cổ phiếu. Ngày 07/8/2015, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 45/2014/GCNCP-VSD-1 thay đổi lần thứ nhất với tổng số cổ phiếu đăng ký là 11 triệu cổ phiếu.

Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động, kinh doanh, Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin đã được Đảng, Nhà nước, các Bộ, ban ngành phong tặng nhiều phần thưởng cao quý, tiêu biểu như:

Ngày 26/9/2014 Chủ tịch nước ký Quyết định số 165/QĐ-CTN tặng Huân chương Độc lập hạng III cho Công ty.

Ngày 02/7/2009 Chủ tịch nước ký Quyết định số 965/QĐ-CTN tặng Huân chương Lao động hạng nhất cho CBCNV Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2004 – 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 26/7/2009 Chủ tịch nước ký Quyết định số 460/2004/QĐ-CTN tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì cho CBCNV Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1999 – 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 19/5/2000 Chủ tịch nước ký Quyết định số 190/KT-CTN tặng Huân chương Lao động hạng Ba vì thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1995 – 1999, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 07/07/2006 Chủ tịch nước ký Quyết định số 800/2006/QĐ-CTN tặng Huân chương Lao động Hạng Ba cho Đảng ủy Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001 – 2005, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 07/04/2004 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 340/QĐ-TTg Cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua 2003 của Tổng Công ty Than Việt Nam.

Bằng khen của Bộ Công nghiệp (nay là bộ Công Thương) về thành tích thi đua lao động sản xuất và thực hiện nhiệm vụ công tác các năm 2000, 2001, 2002, 2004, 2005, 2006, 2007.

Bằng khen của Bộ Thương mại vì đã có thành tích xuất khẩu xuất sắc trong các năm 2002, 2004, 2005.

Bằng khen của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về thành tích xuất sắc trong xuất khẩu lao động năm 2000, bằng khen về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2004.

Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2001, 2003, 2004 và hoạt động thương mại xuất sắc năm 2006.

Công ty được Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam trao thưởng danh hiệu “Sao vàng đất Việt” dành cho thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập

quốc tế năm 2004; được Ủy ban quốc gia về hợp tác quốc tế và Bảo thương mại điện tử tặng thưởng “Doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu xuất sắc năm 2006 - Business Excellence Awards”.

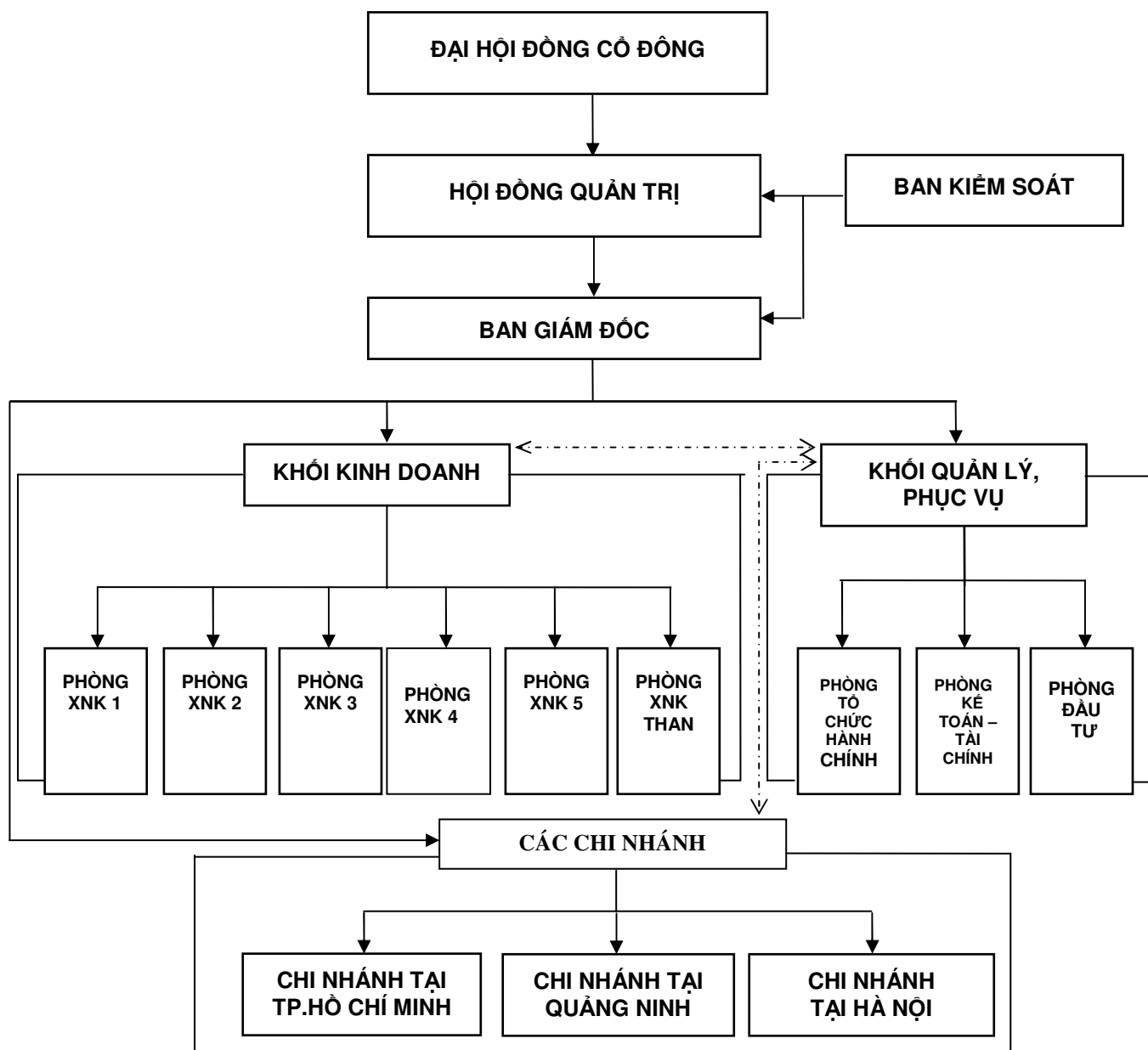
Hiện nay, Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị mạnh trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, thương mại của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Kể từ thời điểm thành lập Công ty vào năm 2005 đến nay, Công ty đã thực hiện 02 lần tăng vốn điều lệ. Chi tiết các lần tăng vốn như sau:

TT	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau tăng vốn (tỷ đồng)	Phương thức	Cơ sở pháp lý
1	T12/2008	28,2756	48,2756	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu ra công chúng	- Nghị quyết ĐHCĐ cổ đông thường niên tổ chức ngày 11/4/2008 - Giấy Chứng nhận chào bán chứng khoán số 350/UBCK- GCN ngày 6/11/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước; - Báo cáo kết quả chào bán gửi UBCKNN số 2147/BC-TCHC ngày 22/12/2008; - Xác nhận số dư tài khoản phong tỏa tại ngày 22/12/2008; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 7 ngày 23/3/2009.
2	T7/2015	61,7244	110	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 24/4/2015 - Công văn số 4450/UBCK-QLPH ngày 14/7/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/7/2015 - Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ tại ngày 31/8/2015

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo; Quyết định chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên không quá 05 năm.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên không quá 05 năm.

Ban Giám đốc (Ban điều hành)

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc được Hội đồng quản trị ủy quyền, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc được phân công phụ trách các mảng công việc khác nhau, gồm: Phó Giám đốc phụ trách khối nhập khẩu, Phó Giám đốc phụ trách khối xuất khẩu.

CÁC PHÒNG BAN:

Khối kinh doanh

- Phòng Xuất nhập khẩu 1, 2, 3, 4, 5: Giúp Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện kinh doanh XNK hàng hoá, vật tư, phụ tùng... trong và ngoài ngành Than – Khoáng sản.
- Phòng Xuất nhập khẩu than: Giúp Giám đốc Công ty thực hiện công tác xuất nhập khẩu than và dịch vụ kinh doanh XNK khác.

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức hành chính có chức năng giúp Giám đốc Công ty thực hiện công tác tổ chức, quản lý - đào tạo cán bộ, lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, quân sự và chế độ chính sách đối với người lao động; Quản lý, thực hiện công tác hành chính, quản trị, thông tin, ngoại vụ, thanh tra nội bộ, công tác bảo vệ cơ quan.

Phòng Kế toán Tài chính

Phòng Kế toán có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc Công ty trong việc tổ chức công tác hạch toán kế toán, quản lý tài sản, tiền vốn, hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh cho toàn Công ty; quản lý và thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty.

Phòng Đầu tư

Phòng Đầu tư là phòng nghiệp vụ, tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về công tác đầu tư, triển khai các dự án đầu tư, xây dựng của Công ty.

Các chi nhánh

Các chi nhánh của Coalimex là đơn vị phụ thuộc Công ty. Chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh được quy định bởi Điều lệ Công ty và các quy chế hoạt động riêng cho các Chi nhánh và những thông báo, quy định cụ thể do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành.

- Chi nhánh tại Hà Nội có chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạt động xuất khẩu lao động; Đào tạo, giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; Kinh doanh vật tư thiết bị...
- Chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh có chức năng, nhiệm vụ chính: Xuất nhập khẩu, kinh doanh vật tư, hàng hóa, thiết bị; Kinh doanh các mặt hàng thực phẩm tươi sống, đông lạnh, thủy hải sản; Kinh doanh các mặt hàng nông sản; Kinh doanh địa ốc và cho thuê văn phòng...
- Chi nhánh tại Quảng Ninh có chức năng, nhiệm vụ chính: Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác; Xuất nhập khẩu than, kinh doanh vật tư, hàng hóa, thiết bị...

4. Danh sách cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 04/9/2015

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	CMND/Số ĐKKD	Tỷ lệ/VĐL (%)
Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn – Hà Nội	6.095.348	5700100256	55,41

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	CMND/Số ĐKKD	Tỷ lệ/VĐL (%)
Nguyễn Thanh Hương	Số 15 Khu tập thể Viện Địa chất, Thái Hà, HN	656.412	012194496	5,97
Tổng		6.751.760		61,38

(Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp)

4.2. **Cổ đông sáng lập:** CTCP Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2005. Đến nay cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 04/9/2015

TT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	136	11.000.000	100%
1	Tổ chức	01	6.095.348	55,41%
	<i>Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam</i>			
2	Cá nhân	135	4.904.652	44,59%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
	Cộng	136	11.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán do VSD cung cấp)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Công ty Mẹ của Coalimex

Tên Công ty mẹ: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ: 226 Lê Duẩn, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 12/7/2015.

Số cổ phần nắm giữ tại tổ chức niêm yết: 6.095.348 cổ phần, tương đương 55,41% Vốn Điều lệ

Lĩnh vực hoạt động: Công nghiệp than; Khoáng sản; Công nghiệp nhẹ; Công nghiệp điện; Công nghiệp cơ khí và Vật liệu.

5.2. Danh sách công ty con của Coalimex

Không có

5.3. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát Coalimex

Không có

5.4. Danh sách công ty mà Coalimex nắm giữ quyền kiểm soát

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Coalimex tập trung chủ yếu ở các mảng i) Xuất khẩu than; ii) Nhập khẩu cung ứng vật tư, máy móc, thiết bị công nghiệp và iii) Xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2008, Công ty tham gia thêm lĩnh vực kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê. Đây là lĩnh vực hứa hẹn sẽ mang lại thành công cho Công ty.

6.1. Xuất nhập khẩu than

Xuất khẩu than là một nhiệm vụ quan trọng của Coalimex. Với đa dạng các chủng loại than như Than cục, than cám Vàng Danh, Uông Bí, than Hòn Gai số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11... than Việt Nam được sử dụng cho rất nhiều ngành công nghiệp cũng như đáp ứng nhu cầu dân dụng của các thị trường tiêu thụ than trên thế giới, như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Mexico, Ấn Độ, Bungary, Cuba, các nước Châu Âu,...

Nhu cầu sử dụng than trong nước ngày càng tăng cao, đặc biệt là nhu cầu của các nhà máy điện chạy than. Theo tập hợp của các ngành sử dụng than thì từ năm 2015, Việt Nam sẽ bắt đầu thiếu than và tăng dần vào các năm sau. Xác định đây là điều tất yếu để đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia và được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ, TKV đã quyết định chọn Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin (Coalimex) làm đầu mối cho công tác nhập khẩu than. Thực hiện nhiệm vụ này Công ty đã có những bước chuẩn bị thận trọng, kỹ lưỡng và đã nhập khẩu thử nghiệm với những kết quả bước đầu thành công.

Sự kiện TKV và EVN ký thỏa thuận nguyên tắc về cung cấp than cho Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Duyên Hải 3 Mở rộng (trong đó TKV sẽ nhập khẩu than cho 02 dự án trên từ năm 2017 và kết thúc vào năm 2049 với tổng số lượng 02 nhà máy là khoảng 4,5 triệu tấn/năm) và TKV có quyết định về việc giao nhiệm vụ nhập khẩu than cho Coalimex đã đặt ra cho Công ty

một nhiệm vụ quan trọng mới. Đây trở thành nhiệm vụ trọng tâm, hết sức quan trọng đối với Coalimex từ năm 2014 và các năm tiếp theo.

Bên cạnh tập trung cho công việc chuẩn bị nhập khẩu than cho 02 dự án trên, Coalimex tiếp tục tìm hiểu việc cung cấp than nhập khẩu cho các khách hàng sử dụng than khác ở trong nước.

6.2. Cung ứng vật tư, máy móc thiết bị

Bên cạnh việc duy trì trọng tâm xuất khẩu than, Công ty không ngừng đẩy mạnh nhập khẩu ủy thác, nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ trong ngành.

Trong thời gian qua hầu hết các thiết bị mới, hiện đại hơn trong quá trình khai thác của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đều do Coalimex nhập khẩu về phục vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn.

6.3. Hoạt động xuất khẩu lao động

Chi nhánh Coalimex tại Hà Nội là đơn vị được giao thực hiện công tác này. Bên cạnh khai thác nguồn cung lao động trong nước từ các địa phương trên toàn quốc như: Sơn La, Nghệ An, Phú Thọ, Thái Bình, Hải Dương... Chi nhánh không ngừng mở rộng thị trường nước ngoài, tìm kiếm những đối tác tin cậy để đưa người lao động Việt Nam ra nước ngoài.

Công tác đào tạo người lao động luôn được chú trọng. Với một cơ sở đào tạo quy mô rộng trên 6.000 m² tại Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội, trang thiết bị dạy, học và khu ăn nghỉ đảm bảo an ninh, an toàn, phục vụ tốt cho nhu cầu đào tạo nguồn lao động.

6.4. Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê

Thị trường bất động sản, thị trường cho thuê văn phòng đang có dấu hiệu phục hồi trong quý II/2015, đây là một dấu hiệu tích cực cho một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Với phương châm luôn hướng tới việc nâng cao doanh thu, Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng văn phòng cho thuê và các dịch vụ đi kèm do vậy diện tích văn phòng cho thuê tại tòa nhà Coalimex 29-31 Đinh Bộ Lĩnh Hồ Chí Minh luôn đảm bảo tỷ lệ lấp đầy từ 70% diện tích sàn trở lên. Đối với Tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi Hà Nội đã triển khai cho khách hàng thuê văn phòng từ tháng 2 năm 2014, dự kiến đến hết 2015 cho thuê được khoảng 70% diện tích sàn.

Bên cạnh việc cho thuê mặt bằng làm văn phòng, công ty cũng triển khai các dịch vụ khác nhằm tăng doanh thu, hiệu quả khai thác tòa nhà.

Thông tin về văn phòng cho thuê của Công ty:

Tòa nhà Coalimex tại 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Tp.HCM

- Địa điểm: 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh – TP Hồ Chí Minh

- Bắt đầu khai thác: từ Quý II/2008
- Diện tích sàn: 1.661 m²
- Tổng số tầng: 10 tầng và 02 tầng hầm
- Cho thuê: 9 tầng (tầng 10 sử dụng làm văn phòng chi nhánh)
- Giá cho thuê : 14.5~23 USD/m²
- Đặc tính: Hệ thống điều hòa trung tâm Fujitsu, 02 thang máy Fujitsu hiện đại, máy phát điện dự phòng công suất lớn; Hệ thống chữa cháy tự động; Quản lý theo quy trình khoa học, hiện đại.

Tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Địa điểm: 33 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Bắt đầu khai thác: Từ tháng 2/2014
- Diện tích đất: 1.254,1 m²
- Diện tích xây dựng: 870 m²
- Diện tích sàn: 5.072m²
- Tổng số tầng: 09 tầng
- Cho thuê: 09 tầng
- Giá cho thuê : từ 24 đến 45USD/m²/tháng
- Đặc tính: Văn phòng hạng A, với 9 tầng nổi và 3 tầng hầm sử dụng hệ thống đỗ xe ô tô tự động hiện đại; Hệ thống điều hòa trung tâm VRV sản xuất tại Nhật Bản; Hệ thống thang máy hiện đại gồm 03 thang tải trọng 750kg và 01 thang 1000 kg; Hệ thống quản lý tòa nhà BMS; Hệ thống PCCC, báo khói, báo cháy tự động tiêu chuẩn; 02 lối thoát hiểm...

Dự án Tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi do CTCP Xuất Nhập khẩu Than – Vinacomin và Công ty Than nội địa nay là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc hợp tác xây dựng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD-Coalimex-TND, tỷ lệ góp vốn: CTCP Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin là 65%; Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc là 35%.

6.5. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty trong năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015

6.5.1 Cơ cấu Doanh thu thuần

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		30/9/2015	
		Giá trị	Tỷ trọng/D TT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Xuất khẩu ủy thác than	7.730	0,58	8.096	0,62	1.950	0,25
2	Nhập khẩu ủy thác vật tư thiết bị	25.257	1,91	15.213	1,16	3.536	0,45
3	Cung ứng vật tư	1.278.943	96,47	1.266.100	96,72	775.222	97,69
4	Xuất khẩu lao động	1.144	0,09	1.286	0,10	1.285	0,16
5	Xuất khẩu khác	7.728	0,58	8.895	0,68	2.230	0,28
6	Dịch vụ cho thuê văn phòng	4.948	0,37	9.447	0,72	9.327	1,18
Tổng cộng:		1.325.750	100	1.309.037	100	793.550	100

(Nguồn: Coalimex)

Doanh thu thuần các năm của công ty cơ bản ổn định, năm 2014 đạt 1.309 tỷ đồng, giảm không đáng kể (1,3%) so với năm 2013. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Coalimex có 06 lĩnh vực chính, trong đó doanh thu của cung ứng vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ trong ngành than chiếm tỷ trọng lớn nhất, trung bình qua các năm chiếm trên 95% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Các lĩnh vực kinh doanh còn lại, mỗi lĩnh vực chỉ chiếm trên dưới 1% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Coalimex.

Hoạt động cung ứng vật tư, máy móc thiết bị của Coalimex có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty với giá trị doanh thu năm 2013 và 2014 luôn trên 1.200 tỷ đồng. Doanh thu của hoạt động cung ứng vật tư máy móc và thiết bị là doanh thu phát sinh từ việc nhập khẩu máy móc thiết bị về cung cấp cho các công ty trong khai thác than và khoáng

sản. Các vật tư, máy móc và thiết bị được Coalimex nhập về cung ứng cho khách hàng là máy khoan các loại, máy xúc, máy ủi, phục tùng cào, thép chống lò, lốp, thiết bị quạt gió, bình thờ, bình tự cứu, chất trợ lắng... Trong các năm qua, thép chống lò (một vật liệu quan trọng trong khai thác than) chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của hoạt động này, trung bình trên 600 tỷ/năm và được nhập khẩu chủ yếu từ Nga. Với các loại máy móc như máy khoan, máy xúc, máy ủi... được Công ty nhập về từ Nhật và Mỹ. Nhật cũng là nước cung cấp lốp chuyên dụng cho các xe dùng trong khai thác than. Ngoài ra, Coalimex còn nhập một số vật tư thiết bị từ Ba Lan, Trung Quốc và một số quốc gia khác.

Doanh thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác than của Công ty chiếm tỷ trọng không cao nhưng là hoạt động truyền thống của Coalimex. Công ty chủ yếu xuất than Anthracite của Việt Nam sang các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan... và nhập khẩu than than Bitum, Ábitum từ thị trường Nga, Indonesia và Malaysia phục vụ cho các dự án nhiệt điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam, các đơn vị thuộc Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu lao động ổn định qua các năm, phát sinh từ việc đào tạo, giáo dục định hướng và tổ chức đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn theo hợp đồng tại Đài loan, Malaysia, Nhật Bản.

Với dịch vụ cho thuê văn phòng, doanh thu năm 2014 tăng gấp đôi so với năm 2013 là do tòa nhà văn phòng tại 33 Tràng Thi được triển khai thành công, hiện nay khách hàng đã thuê được 75% diện tích sàn.

6.5.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2013		Năm 2014		30/9/2015	
		<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng/ DTT (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng/ DTT (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng/ DTT (%)</i>
1	Xuất khẩu ủy thác than	7.730	0,58	8.096	0,62	1.950	0,25
2	Nhập khẩu ủy thác vật tư thiết bị	25.257	1,91	15.213	1,16	3.536	0,45
3	Cung ứng vật tư	109.841	8,29	105.573	8,06	75.015	9,45
4	Xuất khẩu lao	1.144	0,09	1.286	0,10	1.285	0,16

STT	Lợi nhuận gộp	Năm 2013		Năm 2014		30/9/2015	
	đồng						
5	Xuất khẩu khác	721	0,05	846	0,06	181	0,02
6	Dịch vụ cho thuê văn phòng	2.700	0,20	1.537	0,12	-914	-0,12
	Tổng cộng:	147.393	11,12	132.551	10,12	81.053	10,21

(Nguồn: Coalimex)

Năm 2014, lợi nhuận gộp của Công ty giảm 10% so với năm 2013, tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần cũng giảm nhẹ, từ mức 11,12% năm 2013 xuống mức 10,13 năm 2014. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi nhuận gộp trong cơ cấu lợi nhuận gộp của các hoạt động kinh doanh của Công ty không thay đổi so với cơ cấu doanh thu tương ứng. Cụ thể, trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Coalimex, hoạt động cung ứng vật tư thiết bị máy móc chiếm tỷ trọng cao nhất, với tỷ lệ lần lượt là 74,5% trong năm 2013 và 79,6% trong năm 2014. Các hoạt động xuất khẩu than, xuất khẩu lao động và xuất khẩu khác có lợi nhuận gộp năm 2014 tăng nhẹ so với năm 2013 tương ứng với sự tăng trưởng doanh thu của những dịch vụ này. Riêng với dịch vụ cho thuê văn phòng của Công ty, mặc dù doanh thu năm 2014 tăng gấp đôi so với năm 2013 nhưng lợi nhuận gộp lại giảm hơn 43% do trong năm 2014, tòa nhà văn phòng tại 33 Tràng Thi được đưa vào khai thác nên việc trích lập khấu hao cũng như chi phí lãi vay được khấu trừ vào lợi nhuận của hoạt động này dẫn đến lợi nhuận gộp của mảng hoạt động này giảm mạnh. Và số liệu lợi nhuận gộp của 9 tháng năm 2015 của dịch vụ cho thuê văn phòng của Công ty có giá trị âm cũng có nguyên nhân trên. Hoạt động nhập khẩu ủy thác vật tư thiết bị có doanh thu trong năm 2014 giảm tới 40% so với năm 2013 dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận gộp của hoạt động này giảm gần 40% tương ứng (Hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác than ghi nhận doanh thu từ % phí ủy thác từ các hợp đồng xuất nhập khẩu ủy thác và đây cũng chính là lợi nhuận gộp của lĩnh vực kinh doanh này).

6.6. Nguyên vật liệu

Với các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính đã nêu ở trên nên các yếu tố nguyên vật liệu của Coalimex chủ yếu là các chủng loại than được khai thác trong nước; vật tư, máy móc, thiết bị được nhập khẩu hoặc mua từ các nhà sản xuất, cung cấp nội địa. Với kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành và thương hiệu đã được khẳng định, Công ty luôn thu hút được nguồn cung ứng đầu vào ổn định và đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, do đặc thù của ngành than bị điều tiết giá bởi Chính phủ, nên giá cả nguyên vật liệu cho hoạt động xuất khẩu than sẽ ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Than các loại
2	Công ty Kho Vận Đá Bạc - Vinacomin	Than các loại
3	Công ty Kho Vận Hòn Gai - Vinacomin	Than các loại

(Nguồn: Coalimex)

✚ Sự ổn định của nguyên vật liệu

Với hàng hóa đầu vào của Công ty là các loại than được sản xuất trong nước do các Công ty lớn là đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam làm đầu mối với chất lượng và sản lượng luôn đảm bảo.

✚ Ảnh hưởng của giá cả than đến doanh thu và lợi nhuận

Là một đơn vị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, giá than đầu vào của Công ty phụ thuộc vào quyết định của Tập đoàn. Các quyết định điều chỉnh giá và chính sách bán hàng của Tập đoàn đều ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận từ xuất khẩu than của Công ty.

6.7. Chi phí sản xuất

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		30/9/2015	
		<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng /DTT (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng /DTT (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ trọng /DTT (%)</i>
1	Giá vốn hàng bán và dịch vụ	1.178.357	88,88	1.176.486	89,87	712.497	89,79
2	Chi phí tài chính	36.509	2,75	42.807	3,27	18.007	2,27
3	Chi phí bán hàng	96.156	7,25	87.739	6,70	47.469	5,98
4	Chi phí quản lý	35.286	2,66	39.155	2,99	19.566	2,47

TT	Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		30/9/2015	
	doanh nghiệp						
	Tổng cộng:	1.346.308	101,54	1.346.187	102,83	797.539	100,50

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

Trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty, yếu tố giá vốn hàng bán và dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất, với tỷ lệ gần 90% trên doanh thu thuần của Coalimex qua các năm. Nguyên nhân là do đặc thù kinh doanh của Coalimex, với lĩnh vực cung ứng vật tư thiết bị máy móc cho ngành than chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu thì chi phí giá vốn thành phẩm nhập về để bán rất cao:

(Đơn vị: đồng)

<i>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Năm 2014</i>	<i>Năm 2013</i>
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.161.200.568.511	1.168.798.904.094
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.376.357.530	7.309.983.928
Giá vốn kinh doanh bất động sản	7.909.563.916	2.248.200.190
Cộng:	1.176.486.489.957	1.178.357.088.212

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014)

Tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần tăng từ mức 88,88% năm 2013 lên mức 89,87% năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là giá vốn kinh doanh bất động sản tăng mạnh trong năm 2014 do Công ty bắt đầu trích khấu hao tài sản cố định của Tòa nhà văn phòng tại 33 Tràng Thi và chi phí lãi vay phát sinh từ dự án này.

Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu chi phí sản xuất. Tuy nhiên, trong cơ cấu chi phí tài chính, do đặc thù kinh doanh của Công ty, có tính đến khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện với các hợp đồng kinh doanh của Coalimex với đối tác. Đây là rủi ro cơ bản của những doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu. Và rủi ro tỷ giá phụ thuộc rất lớn vào thị trường thế giới và cơ chế điều hành tỷ giá của chính phủ. Coalimex cũng có những dự báo và biện pháp thích hợp nhằm giảm thiểu các tác động trên trong quá trình kinh doanh như quy định rõ điều khoản giá bán vật tư, máy móc sẽ biến động cùng chiều với tỷ giá sử dụng trong hợp đồng...

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng thấp và có thay đổi nhưng theo xu hướng ổn định qua các năm. Điều này cũng thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc quản lý và giảm thiểu tối đa các chi phí vận hành doanh nghiệp.

6.8. Trình độ công nghệ

Với đặc thù là doanh nghiệp xuất nhập khẩu, Công ty luôn chú trọng vào công tác quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện tại Công ty đang sử dụng 03 phần mềm sau để tự động hóa công tác quản lý:

Danh mục phần mềm của Công ty

STT	Loại máy móc/thiết bị	Nơi sản xuất	Năm sản xuất
1	Phần mềm quản lý kế toán Effect	Công ty cổ phần Effect	2004
2	Phần mềm Quản lý Nhân sự	Tập đoàn Vinacomin	2005
3	Phần mềm khai Hải quan điện tử	Công ty Thái Sơn	2007

(Nguồn: Coalimex)

6.9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động xuất khẩu than là hoạt động cốt lõi và đòi hỏi việc kiểm tra chất lượng phải chặt chẽ, chính xác nhất vì đây là hoạt động tạo nên hình ảnh và thương hiệu của Công ty trên thị trường Việt Nam cũng như thị trường Quốc tế.

Để đảm bảo chất lượng than xuất khẩu đúng như hợp đồng ký với các đối tác nước ngoài, đồng thời để tăng cường hình ảnh của Công ty trước bạn hàng quốc tế, Công ty luôn sử dụng dịch vụ giám định của các công ty hàng đầu trong lĩnh vực giám định tại Việt Nam: i) Công ty cổ phần Giám định TKV (MCK: VQC) và ii) Công ty cổ phần Giám định Vinacontrol (MCK: VNC). Trong đó, đối tác chính của Công ty trong việc giám định than là VQC, bởi đây là doanh nghiệp đầu ngành trong việc giám định than, khoáng sản tại Việt Nam.

6.10. Hoạt động marketing

Ngoài việc khẳng định và quảng bá thương hiệu Coalimex bằng chất lượng sản phẩm và uy tín trong việc cung ứng dịch vụ cho khách hàng, Công ty còn chú trọng thúc đẩy các hoạt động Marketing thông qua nhiều phương thức, nhiều kênh thông tin nhằm giới thiệu hình ảnh của Coalimex tới khách hàng với mong muốn tiến tới được phục vụ cho khách hàng các sản phẩm tốt nhất của Công ty. Các phương thức Marketing chính của Công ty gồm:

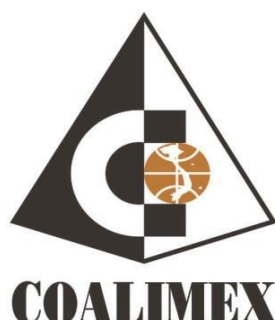
- Công bố thông tin trên Website Công ty: www.coalimex.com.vn;

- Tham gia các hội nghị, hội thảo của Tập đoàn để tăng cường mối quan hệ với các doanh nghiệp trong Tập đoàn;
- Quảng bá hình ảnh của Công ty tại các triển lãm quốc tế, hội thảo quốc tế trong ngành.

6.11. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:

Logo của Công ty đã được Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam cấp đăng ký số 77098, sửa đổi và gia hạn lần thứ nhất ngày 19/11/2014. Đăng ký có thời hạn trong vòng 10 năm.



6.12. Một số hợp lớn đã, đang thực hiện trong năm 2015

T T	Tên đơn vị	Giá trị (USD)	Giá trị (VND) tương đương tại thời điểm 30/9/2015	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1.	Công ty Than Uông bí	698.771	15.219.232.380	Từ 10/6 đến 15/7/2015	Trạm quạt gió chính mức +340
2.	Công ty Bauxit Lâm đồng	311.472	6.783.860.160	Từ 10/6 đến 15/7/2015	Chất trợ lắng
3.	Công ty Than Uông bí	49.450	1.077.021.000	Tháng 7/2015	Bình tự cứu
4.	Công ty Bauxit Lâm đồng	327.873	7.360.748.850	Từ 01/7 đến tháng 9/2015	Chất trợ lắng
5.	Công ty Than Vàng Danh	86.600	1.944.170.000	Tháng 9/2015	Thiết bị quạt gió
6.	Công ty Bauxit Lâm Đồng	168.168	3.775.371.600	Tháng 9/2015	Chất trợ lắng
7.	Công ty Than Khe	13.622	305.813.900	Tháng	Phụ tùng cào

T T	Tên đơn vị	Giá trị (USD)	Giá trị (VND) tương đương tại thời điểm 30/9/2015	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	Chàm			9/2015	
8.	Công ty Than Hòn Gai	27.448,6	616.221.070	Tháng 9/2015	Máy khoan
9.	Trung tâm cấp cứu mỏ	21.457	481.709.650	Tháng 9/2015	Bình thờ
10.	Các đơn vị trong ngành Than	849.072	19.061.666.400	Từ 01/8/2015 -30/9/2015	Lốp các loại

(Nguồn: Coalimex)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015

7.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 và 9 tháng đầu năm 2015

(Đơn vị: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm năm 2014 so với 2013	9 tháng đầu năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	1.262.676.600.803	781.140.932.377	-61,65%	908.254.584.574
2	Vốn chủ sở hữu	123.659.534.441	128.175.967.709	3,65%	141.370.460.136
3	Doanh thu thuần	1.325.750.791.962	1.309.037.850.174	-1,26%	793.550.276.528
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.420.912.042	20.008.682.592	-45,06%	8.389.835.909
5	Lợi nhuận khác	1.337.628.366	2.690.602.173	101,15%	3.291.899.648
6	Lợi nhuận trước thuế	37.758.540.408	22.699.284.765	-39,88%	11.681.735.557
7	Lợi nhuận sau thuế	27.835.318.107	17.461.428.268	-37,27%	9.111.753.735
8	Tỷ lệ LNST/VCSH bình	23,45	13,87	-	-

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm năm 2014 so với 2013	9 tháng đầu năm 2015
	quân (%)				
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	45,09	55,29	-	-
10	Tỷ lệ cổ tức (%)	26	20	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/2015)

*

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2014 giảm mạnh, gần 62% so với cùng chỉ tiêu này trong năm 2013. Nguyên nhân là tại thời điểm 31/12/2014, các khoản phải thu của khách hàng trong ngắn hạn giảm gần 490 tỷ đồng do các hợp đồng đã tất toán và chưa có hợp đồng mới gởi đầu. Điều này không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty vì chỉ tiêu doanh thu trong hai năm liên tiếp vẫn giữ ở mức trên 1.300 tỷ đồng. Việc Coalimex vẫn duy trì được mức doanh thu ổn định trong suốt hai năm liên tiếp là một sự nỗ lực lớn của Công ty trong tình hình kinh tế khá ảm đạm của trong nước và thế giới.

Năm 2015 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 48,27 tỷ lên 110 tỷ đồng từ Quỹ đầu tư phát triển của Công ty, Do đó, mặc dù tăng vốn điều lệ nhưng vốn chủ sở hữu của công ty thay đổi không nhiều so với năm 2014.

Năm 2014 doanh thu thuần đạt 1.309 tỷ đồng, giảm không đáng kể so với năm 2013. Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2014 giảm 16,4 tỷ đồng (tương ứng giảm 45,06%), lợi nhuận sau thuế giảm 37,27% so với năm 2013 do tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng từ mức 88,88% lên mức 89,87%. Nguyên nhân chủ yếu là: Trong năm 2014 dự án Tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi được đưa vào khai thác cho thuê làm văn phòng, doanh thu mang lại chưa cao (4,5 tỷ đồng) trong khi giá vốn hàng bán lớn do công ty đã thực hiện trích khấu hao và các khoản chi phí liên quan. Kết quả hoạt động cho thuê văn phòng tại 33 Tràng Thi trong năm 2014 bị lỗ xấp xỉ 15 tỷ đồng. Tại BCTC năm 2014, do 2 bên chưa ký biên bản chia lỗ, nên Công ty chưa ghi nhận khoản lỗ (5,2 tỷ đồng) phân bổ cho Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc mà ghi giảm lợi nhuận chung của Công ty. Nếu ghi nhận phân bổ khoản lỗ 5,2 tỷ đồng cho Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc thì lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 của công ty tăng thêm 4.082.738.692 đồng. Ngày 15/6/2015, Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc đã ký biên bản chia lỗ, công ty đã phân bổ lỗ cho Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc và thực hiện điều chỉnh hồi tố tại Báo cáo tài chính Quý III/2015.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014

Thuận lợi

Với truyền thống, bề dày kinh nghiệm và uy tín của thương hiệu Coalimex trên thương trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, năng động, có kinh nghiệm, đầy nhiệt huyết, được đào tạo căn bản, đáp ứng được yêu cầu của công tác kinh doanh, có tinh thần đoàn kết và đồng tâm xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ Chính trị - Kinh tế trước mắt và lâu dài của Ngành Than.

Khó khăn

Khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu và những bất ổn chính trị, thiên tai... của thế giới và khu vực đã ảnh hưởng lớn tới tất cả các lĩnh vực hoạt động SXKD chính của Công ty.

Sản lượng xuất khẩu than giảm sút dẫn đến doanh thu từ lĩnh vực này cũng giảm đáng kể, một mặt do suy giảm kinh tế, chính sách về an ninh năng lượng của Việt Nam, mặt khác do giá than Việt Nam cao hơn mặt bằng giá thế giới cùng thời điểm, các khách hàng lớn của Coalimex đã thay đổi công nghệ sử dụng than Anthracite của Việt Nam bằng than Bitum và Á Bitum có giá cạnh tranh và cung cấp ổn định từ nguồn cung cấp than của Indonesia, Nga, Ukraina.

Bên cạnh đó, chủ trương cắt giảm đầu tư, xã hội hóa một số công đoạn khai thác, chế biến, kinh doanh than cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác nhập khẩu Vật tư thiết bị của Công ty.

Tiếp đến, tình hình kinh tế trong nước thời gian qua cũng ảnh hưởng rất lớn đến lĩnh vực cho thuê văn phòng của Công ty, phần lớn khách hàng nước ngoài thuê văn phòng đều phải thu hẹp diện tích thuê hoặc không thuê... Diện tích văn phòng cho thuê trong nước tăng lên đáng kể trong khi lượng khách hàng có nhu cầu thuê không tăng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với truyền thống lâu năm hoạt động trong lĩnh vực thương mại, Coalimex đã tạo dựng cho mình được thương hiệu và sự tin nhiệm của đối tác, bạn hàng trong và ngoài nước. Trong những năm qua Công ty hoạt động ổn định, tập thể đoàn kết nhất trí cao theo tôn chỉ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: Kỷ luật - Đồng tâm.

Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Coalimex hầu hết được đào tạo chính quy, bài bản, đa số có trình độ Đại học, trên Đại học. Chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và dày dặn kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là bạn hàng chủ chốt, thân thiết và đáng tin cậy với đa số các Doanh nghiệp trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Coalimex luôn thực hiện tốt vai trò là một đầu mối xuất khẩu than từ Việt Nam ra thế giới, đồng thời cung cấp máy móc công nghiệp, thiết bị, phụ tùng... phục vụ việc khai thác hiệu quả của Tập đoàn.

Thương hiệu Coalimex không chỉ được biết đến trong nước mà còn có được sự tín nhiệm của các bạn hàng nhiều nơi trên thế giới. Do đó, nhiều doanh nghiệp công nghiệp hàng đầu như KOMATSU, KAMAZ, VOLVO... luôn chọn Coalimex là một trong những “cửa ngõ” đầu tiên để tiếp cận thị trường Việt Nam.

Nắm bắt xu thế phát triển của nền kinh tế đồng thời phát huy tiềm năng sẵn có của mình, bên cạnh việc củng cố các lĩnh vực kinh doanh truyền thống, Công ty chủ động mở rộng ra các lĩnh vực khác như xuất khẩu lao động, kinh doanh bất động sản, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất than hoạt tính... Các dự án, lĩnh vực mới này sẽ định hướng Công ty phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành than chiếm một vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp tới một số ngành công nghiệp với vai trò là nguyên liệu sản xuất đầu vào. Khách hàng lớn nhất của ngành than là ngành điện, tiếp theo đó là các ngành công nghiệp sử dụng than làm nhiên liệu và nguyên liệu đầu vào như sản xuất xi măng, sắt thép, sản xuất phân đạm... Với vai trò này, ngành than sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đầu ra cũng như giá thành sản phẩm của những ngành công nghiệp liên quan.

Theo Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 60/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 thì việc khai thác than trước hết phải đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than trong nước về chủng loại và khối lượng, chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa hoặc không có nhu cầu sử dụng. Theo báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), sản lượng hàng năm của ngành than sau hơn 20 năm thành lập đã tăng gấp bảy lần, năng suất cũng tăng gấp bốn lần, đáp ứng đủ nhu cầu than trong nước và dành một phần hợp lý để xuất khẩu.

Mục tiêu sản lượng than thương phẩm sản xuất toàn ngành trong những năm tiếp theo là:

Năm 2015 đạt 55 – 58 triệu tấn

Năm 2020 đạt 60 – 65 triệu tấn

Năm 2030 đạt trên 75 triệu tấn

Trong khi đó, dự báo nhu cầu than cho ngành điện đến năm 2030 là 181,3 – 231,1 triệu tấn còn nhu cầu sử dụng than của các ngành kinh tế khác như sản xuất xi măng, sắt thép, phân đạm... là 103-118 triệu tấn/năm.

Riêng khách hàng lớn nhất của ngành Than là ngành điện thì nhu cầu nhập khẩu than cho các nhà máy điện là 48 triệu tấn vào năm 2020 và tăng lên 130 triệu tấn vào năm 2030.

Nhìn vào bức tranh trên, rõ ràng cung không đủ cầu về than cho sản xuất trong nước. Chính điều này dẫn đến nguy cơ biến Việt Nam từ một nước xuất siêu than thành nước nhập siêu.

Để thực hiện những mục tiêu trên, Quy hoạch phát triển của Chính phủ đã đưa ra chiến lược cụ thể. Đầu tiên là kế hoạch thăm dò và khai thác than tại các bể than Đông Bắc vùng Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương và các mỏ than có điều kiện khai thác thuận lợi hơn, chất lượng than tốt và trữ lượng tài nguyên có thể đến 8 - 9 tỷ tấn ở độ sâu 1.000 -1.200m. Đồng thời, triển khai nghiên cứu thử nghiệm khai thác than vùng đồng bằng sông Hồng nhằm đảm bảo tăng dần sản lượng khai thác than từ 55 – 88 triệu tấn vào năm 2015 lên 60 – 65 triệu tấn năm 2020.

Để thực hiện kế hoạch này, TKV đã đề xuất Chính phủ cơ chế huy động vốn cho đầu tư phát triển các mỏ than, theo đó, đề nghị cho TKV được vay vốn từ nguồn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, một phần vốn ODA, vốn trái phiếu để đầu tư phát triển, đồng thời bảo lãnh cho TKV vay vốn nước ngoài để đầu tư phát triển, tăng năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, TKV cũng kiến nghị Chính phủ xem xét đẩy nhanh thủ tục đầu tư, cấp phép phê duyệt thăm dò khai thác cũng như có các giải pháp đồng bộ về cơ chế chính sách, điều chỉnh thuế phí các loại phù hợp, nhằm đẩy nhanh triển khai các dự án tăng sản lượng than theo Quy hoạch đã được duyệt.

Ngoài ra, ngành than cũng cân đối giữa lượng than xuất khẩu và nhập khẩu nhằm mang lại giá trị kinh tế lớn nhất có thể. Nếu như trước đây, việc xuất khẩu than đem lại lợi ích hơn nhập khẩu vì giá than thế giới cao thì hiện nay, giá than giảm rất mạnh, ngành chủ trương hạn chế xuất khẩu và tăng cường nhập khẩu do nguồn cung dồi dào, giá rẻ. Hiện tại, TKV vẫn đáp ứng đủ nhu cầu than trong nước, chỉ nhập khẩu vài trăm nghìn tấn than sử dụng trong lò hơi nhà máy công nghiệp. Theo dự báo, từ năm 2016 trở đi, khi các dự án điện đi vào hoạt động, sẽ nhập khẩu khoảng 3 – 5 triệu tấn than và tăng dần qua các năm.

Ngành than cũng kiến nghị Nhà nước xem xét, điều chỉnh các loại thuế, phí phù hợp và có các giải pháp đồng bộ về cơ chế, chính sách, huy động vốn, các thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản để giải quyết các dự án cấp bách tăng sản lượng than theo Quy hoạch đã được duyệt. Đồng thời, tạo điều kiện hỗ trợ để ngành than có nguồn đầu tư phát triển để cải thiện điều kiện làm việc, thu nhập cho nhân công. Nếu không, ngành than sẽ gặp nguy cơ thiếu vốn phát triển sản xuất cũng như thiếu hụt nhân công có tay nghề cao. Ngành cũng chủ động triển khai Đề án nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh, trọng tâm là thúc đẩy khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hóa trong khai thác than, nhất là trong hầm lò và thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, giảm giá thành, tập trung thực hiện trong năm nay và những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng nhu cầu than ngày càng tăng của nền kinh tế.

8.3. *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước*

Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) mang một sứ mệnh do Nhà nước giao phó là xây dựng thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh, là trụ cột của nền kinh tế đất nước. Là một trong những đơn vị chủ chốt của TKV, Công ty đã và đang phối hợp với các đơn vị khai thác, chế biến than, khoáng sản của TKV đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nghiên cứu đẩy nhanh quá trình cơ giới hóa khai thác than, chế biến khoáng sản; khai thác bauxit và sản xuất alumin; song song với việc bảo vệ môi trường; hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý, quản trị tiên tiến, phù hợp, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội... nhằm nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo đúng tiến độ các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án xây dựng các mỏ than hầm lò mới, đáp ứng đủ than cho nhu cầu tiêu thụ trong nước; bảo đảm phát triển bền vững xứng đáng với vai trò tập đoàn kinh tế mạnh, là trụ cột của nền kinh tế đất nước.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, với phương châm kinh doanh đa ngành nghề, xây dựng công ty phát triển bền vững, hài hòa trong Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam, Coalimex tiếp tục phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trên cơ sở định hướng chung của TKV:

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu than, khoáng sản theo sự phân công và chỉ đạo của TKV. Chuẩn bị nguồn lực để nhập khẩu than cho những dự án nhiệt điện của EVN, TKV và khách hàng trong nước khác có nhu cầu sử dụng than nhập khẩu. Tiếp cận, nghiên cứu để xuất khẩu những sản phẩm mới của TKV như kim loại màu, alumin...

- Kinh doanh nhập khẩu vật tư thiết bị: Tham gia, đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu của ngành Than. Trên cơ sở giữ vững và phát triển thị trường trong ngành, duy trì những mặt hàng truyền thống chiến lược, mở rộng khai thác những mặt hàng mới, tiên tiến, hiện đại, đảm bảo môi trường sinh thái... cung cấp vào các dự án khai thác than, khoáng sản của ngành than và phát triển thị trường ngoài ngành.

- Kinh doanh văn phòng cho thuê: Mở rộng đầu tư, kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng văn phòng cho thuê cao cấp, xây dựng thành thương hiệu có lợi thế cạnh tranh của Công ty.

- Hợp tác đầu tư: Phát huy thế mạnh hoạt động thương mại tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật của ngành. Tham gia các dự án hiện đại, chuyển giao công nghệ cao, nghiên cứu chế biến kinh doanh than, khoáng sản...

- Các dịch vụ khác: Cùng với việc duy trì và phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính, Công ty phát triển kinh doanh đa ngành phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành than – khoáng sản. Nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới mà Công ty có lợi thế để bù đắp suy giảm từ hoạt động xuất khẩu than theo định hướng của Nhà nước.

- Xây dựng lợi thế cạnh tranh khác biệt từ nguồn nhân lực chất lượng cao.

9. Chính sách đối với người lao động

Một trong những lợi thế cạnh tranh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin so với các công ty khác trong cùng ngành đó là nguồn nhân lực.

Ban lãnh đạo: Ban lãnh đạo của Công ty không những có trình độ chuyên môn cao mà còn có năng lực quản lý, giàu kinh nghiệm và tâm huyết với Công ty.

Người lao động: Người lao động của Công ty năng động, sáng tạo, được đào tạo thường xuyên, đoàn kết và gắn bó với Công ty. Hiện tại, tổng số lao động đang làm việc tại Công ty là 210 người. Với chính sách tuyển dụng lao động của mình, Công ty đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết, trách nhiệm, sáng tạo, được đào tạo chính quy và bồi dưỡng thường xuyên.

Cơ cấu lao động theo chỉ tiêu:

Phân loại	Số lượng	TỶ LỆ (%)
Trình độ lao động	210	100
- Thạc sĩ	15	7,14
- Cử nhân (Đại học, Cao đẳng)	145	69,05
- Trung học chuyên nghiệp	6	2,86
- Phổ thông trung học	44	20,95
Giới tính	210	100
Lao động nữ	76	36,19
Lao động nam	134	63,81

(Nguồn: Coalimex)

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

- Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc được sắp xếp phù hợp. Trang thiết bị phục vụ công việc được trang bị đầy đủ, hiện đại.
- Môi trường làm việc luôn được Công ty đặc biệt chú trọng. Với phương châm thường xuyên cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được tính

tự chủ, tinh thần trách nhiệm đối với từng công việc được phân công, phụ trách và xây dựng văn hóa doanh nghiệp...

Chính sách lương

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.
- Chính sách xét tăng lương: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chế độ phúc lợi

- Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở Coalimex còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được Công ty thực hiện tốt.
- Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ rất được quan tâm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng tại chỗ, và điều dưỡng tập trung, cấp phát thuốc cho người lao động; trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên đã và đang làm việc tại Công ty, trợ cấp nghỉ hưu đối với trường hợp hưu trí.
- Ngoài ra, những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan, nghỉ mát... thường xuyên được tổ chức tại Công ty giúp cho toàn thể CBCNV gắn bó với nhau hơn, góp phần tạo nên bản sắc Công ty; đồng thời nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội... nhằm xây dựng một tập thể lao động không những giỏi chuyên môn mà còn luôn quan tâm đến xã hội, cộng đồng.

10. Chính sách cổ tức

Chính sách chi trả cổ tức được thực hiện theo Điều lệ của công ty. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời gian một lần. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội

đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm	2013	2014
Tỷ lệ cổ tức kế hoạch	16	16
Tỷ lệ cổ tức thực tế (%)	26	20

(Nguồn: Coalimex)

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Đại hội đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2014 là 20% và dự kiến cổ tức cho năm 2015 là 10%.

Coalimex đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt cho cổ đông theo 02 đợt: Đợt 1 là 16% vào ngày 12/02/2015 và đợt 2 là 4% vào ngày 05/6/2015 với tổng số tiền thanh toán là 9.655.120.000 đồng.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Khấu hao tài sản cố định

Công ty thực hiện khấu hao đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính chi tiết như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	4 - 7

(Nguồn: Coalimex)

Mức lương bình quân

So với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành thì thu nhập của cán bộ công nhân viên của Công ty thuộc mức trung bình của hệ thống các Công ty trong TKV.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Thu nhập bình quân triệu đồng/người/tháng	10,329	9,465

(Nguồn: Coalimex)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn, đến thời điểm 30/9/2015 Công ty không có nợ quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của Nhà nước.

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
Thuế giá trị gia tăng	13.589.372	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	166.000	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.175.194.512	1.725.102.203	509.698.510
Thuế thu nhập cá nhân	392.212.206	172.206.402	23.767.816
Thuế khác	473.550.000	-	-
Cộng:	3.054.712.090	1.897.308.605	533.466.326

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

(*) Theo BCTC Quý III/2015, Khoản thuế TNDN tại ngày 01/01/2015 đã được điều chỉnh hồi tố do phân bổ lỗ năm 2014 của dự án Tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi cho Tổng Công ty Mỏ Việt Bắc.

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	64.774.196.007	69.290.629.275	7.566.229.275
2	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	254.685.967	-	-
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.875.901.015	6.097.860.615	3.617.285.615
	Tổng cộng	72.904.782.989	75.388.489.890	11.183.514.890

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

Ghi chú:

Quỹ đầu tư phát triển tại 30/9/2015 giảm mạnh so với cuối năm 2014 do trong tháng 7/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 61,7244 tỷ đồng (tăng từ 48,2756 tỷ lên 110 tỷ đồng) bằng nguồn tiền từ Quỹ đầu tư phát triển theo hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản vay nợ ngắn hạn và dài hạn

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
I	Vay ngắn hạn	9.597.608.717	21.322.734.750	85.070.028.376
	Vay Ngân hàng	9.597.608.717	21.322.734.750	83.332.810.955
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Quảng Ninh	9.597.608.717	-	12.233.478.655
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	21.322.734.750	-
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	-	-	6.655.695.000
	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	-	-	64.443.637.300
	Vay CBCNV	-	-	1.737.217.421
II	Vay dài hạn	87.705.579.701	90.408.735.728	69.801.710.942
1	Vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP	83.198.538.884	86.132.006.582	69.801.710.942

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
	Đầu tư và Phát triển			
2	Vay đối tượng khác Vay CBCNV	4.507.040.817	4.276.729.146	-
	Tổng cộng	97.303.188.418	111.731.470.478	69.801.710.942

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

Ghi chú:

Vay ngắn hạn: Đầu năm, Công ty ký hạn mức vay ngắn hạn với các ngân hàng thương mại. Tùy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm mà các ngân hàng cấp cho Công ty và các chi nhánh một hạn mức cụ thể. Năm 2015, hạn mức tín dụng của Công ty tại các ngân hàng như sau:

- + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam: 450 tỷ đồng
- + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Hai Bà Trưng: 470 tỷ đồng
- + Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam: 11 triệu USD
- + Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC: 150 tỷ đồng
- + Các chi nhánh tự ký hạn mức với các ngân hàng

Các ngân hàng sẽ giải ngân theo từng lô hàng mà Công ty có nhu cầu vay trong hạn mức (theo từng L/C, hoặc Invoice nhập khẩu). Lãi suất vay theo từng hợp đồng vay tại từng thời điểm và từng ngân hàng. Các khoản vay ngắn hạn này phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều là vay tín chấp.

Vay dài hạn: Khoản vay dài hạn của Công ty là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phục vụ dự án xây văn phòng cho thuê tại 33 Tràng Thi. Tổng cộng 24 đợt giải ngân, lãi suất theo từng lần nhận nợ, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần, thu lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

- **Vay cán bộ công nhân viên:** Đây là hình thức vay vốn nhân rồi bằng Việt Nam Đồng của công nhân viên chức lao động (CNVC-LĐ) trong Công ty nhằm tạo nguồn bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư cho các dự án của Công ty, với thời hạn tối thiểu 3 năm, Lãi suất vay vốn: 10.5%/năm

Các khoản phải thu

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
I	Phải thu ngắn hạn	864.523.847.787	334.479.514.892	292.095.541.213
1	Phải thu khách hàng	803.674.553.018	315.341.128.719	275.305.586.670
2	Trả trước cho người bán	62.468.455.174	23.691.612.232	18.755.112.767
3	Phải thu khác	2.337.306.958	1.344.371.720	1.475.972.192
4	Dự phòng phải thu	(3.956.467.363)	(5.897.597.779)	(3.441.130.416)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
	khó đòi			
II	Phải thu dài hạn	-	-	63.731.613.799
1	Phải thu dài hạn khác (*)	-	-	63.731.613.799
2	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
	Tổng cộng	864.523.847.787	334.479.514.892	355.827.155.012

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

(*) Theo BCTC Quý III/2015, Khoản Phải thu dài hạn tại ngày 01/01/2015 đã được điều chỉnh hồi tố do phân bổ lỗ năm 2014 của dự án Tòa nhà Coalimex tại 33 Tràng Thi cho Tổng Công ty Mỏ Việt Bắc.

Phải thu ngắn hạn khách hàng: Chủ yếu là các khoản phải thu từ bán hàng vật tư, phụ tùng máy móc thiết bị cho các công ty trong nội bộ tập đoàn TKV, một số khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản nợ (tại 31/12/2014 là 5,9 tỷ và tại 30/9/2015 là 3,4 tỷ đồng). Một số khoản phải thu có giá trị lớn như:

Danh sách các khoản thu lớn

STT	Khách hàng	Số dư (đồng)		
		31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
1	CTCP cơ khí mỏ và đóng tàu Vinacomin	118.858.817.969	60.953.882.636	28.624.198.922
2	CTCP cơ khí ô tô Uông Bí	109.545.288.355	48.866.067.495	1.712.909.634
3	Công ty than Khe Chàm	-	43.117.786.900	6.660.824.700
4	Công ty than Cao Sơn	14.561.058.484	11.849.604.541	37.156.760.972
5	Công ty Chế tạo máy	189.634.493.791	40.034.208.841	22.688.492.559
6	Công ty than Hà Lầm	-	4.073.728.265	64.477.898.000

(Nguồn: Coalimex)

Phải thu ngắn hạn khác: là các khoản tạm ứng cho CBCNV, đặt cọc, ký quỹ, thuế TNCN phải thu CBCNV,....

Phải thu dài hạn khác: tại thời điểm 30/9/2015 số dư tại Khoản phải thu dài hạn là 63.731.613.799 đồng, bao gồm khoản phải thu của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc liên quan

đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư tòa nhà tại 33 Tràng Thi là 62.578.142.799 đồng và khoản ký quỹ xuất khẩu lao động là 1.153.471.000 đồng. Liên quan đến dự án với Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc, năm 2015 công ty hạch toán theo Thông tư 200/2015/TT-BTC và hướng dẫn của đơn vị tư vấn, Công ty bắt đầu phân chia tài sản, lãi lỗ của dự án, qua đó phần tạm phân chia cho Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc (được hạch toán là khoản Phải thu) như sau:

Giá trị BĐS đầu tư: 58.775.473.721

Giá trị hao mòn lũy kế: -3.725.814.518

Lỗ năm 2014: 5.234.280.375

Lỗ 9T năm 2015: 2.294.203.22

Các khoản phải trả

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
I	Nợ ngắn hạn	1.209.518.640.427	539.525.929.471	661.282.712.227
1	Phải trả cho người bán	836.075.748.263	457.294.952.997	454.950.463.127
2	Vay và nợ ngắn hạn	9.597.608.717	21.322.734.750	85.070.028.376
3	Người mua trả tiền trước	144.366.856.797	18.088.619.327	96.365.836.218
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.054.712.090	1.897.308.605	533.466.326
5	Phải trả người lao động	3.685.391.657	3.924.839.383	3.988.237.270
6	Chi phí phải trả	908.593.231	518.454.150	164.029.939
7	Phải trả nội bộ	2.675.060.000	5.350.120.000	-
8	Phải trả ngắn hạn khác	2.766.071.587	4.956.818.169	626.040.403
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	18.512.697.070	20.074.221.475	12.832.051.956
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.875.901.015	6.097.860.615	3.617.285.615
11	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	3.135.272.997
II	Nợ dài hạn	109.498.425.935	113.439.035.197	105.601.412.211
1	Phải trả dài hạn khác	19.010.325.790	20.154.431.845	35.799.701.269
2	Vay và nợ dài hạn	87.705.579.701	90.408.735.728	69.801.710.942
3	Doanh thu chưa thực hiện	2.527.834.477	2.875.867.624	-
4	Quỹ phát triển khoa học	254.685.967	-	-

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
	công nghệ			
	Tổng cộng	1.139.017.066.362	652.964.964.668	766.884.124.438

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

- **Phải trả người bán ngắn hạn:** là các khoản phải trả công ty trong nội bộ TKV (tiền mua than xuất khẩu); các đơn vị cung cấp máy móc, thiết bị. Công ty không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán. Một số khoản phải trả có giá trị lớn như:

Danh sách các khoản phải trả lớn

STT	Khách hàng	Số dư (đồng)		
		31/12/2013	31/12/2014	30/09/2015
1	Công ty kho vận Hòn Gai	168.488.978.967	37.330.077.357	11.593.663.563
2	Công ty kho vận Đá Bạc	242.422.168.532	243.709.108.820	121.029.786.761
3	CTCP cơ điện Asia	1.538.589.783	9.279.073.141	60.594.657.141
4	Công ty kho vận Cẩm Phả	317.568.898.736	37.642.224.716	118.178.961.767
5	MIR Trade AG			75.664.368.000

(Nguồn: Coalimex)

- **Phải trả ngắn hạn khác:** chủ yếu là cổ tức phải trả, tại 31/12/2014 cổ tức phải trả là 4,36 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông vào tháng 2/2015 và tháng 6/2015.

- **Dự phòng phải trả ngắn hạn:** là dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

- **Phải trả dài hạn khác:** là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn và khoản phải Tổng Công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc. Khoản phải trả Tổng Công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc tại ngày 31/12/2014 là 17.032.426.290 đồng và **tại ngày 30/9/2015 là 32.125.632.871 đồng**. Đây là khoản vốn góp của Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc vào dự án 33 Trảng Thi, Công ty đang hạch toán treo trên Phải trả dài hạn khác.

 Hàng tồn kho

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
1	Hàng hóa	197.235.587.016	181.364.495.314	289.346.428.239
2	Hàng gửi bán	-	29.118.618.182	-
	Tổng cộng	197.235.587.016	210.483.113.496	289.346.428.239

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính Quý III/ 2015)

Toàn bộ hàng hóa của Công ty là vật tư, máy móc thiết bị cung cấp cho các đơn vị trong nội bộ TKV theo kế hoạch hàng năm như lốp xe tải cỡ lớn, phụ tùng máy xúc, phụ tùng máy gạt, vật tư dùng trong hầm lò, vật tư phòng nổ, than nhập khẩu...Vòng quay luân chuyển hàng tồn kho nhỏ hơn 12 tháng. Colimex không có hàng tồn kho chậm luân chuyển nên không trích lập dự phòng.

Thời điểm 30/09/2015, Hàng tồn kho của Công ty tăng do ngày 22/09/2015, Công ty nhập khẩu lô than trị giá 77 tỷ về chưa làm thủ tục giao hàng và xuất hóa đơn cho khách hàng nên tháng 9 tạm treo trên hàng tồn kho. Tháng 10, Công ty đã xuất kho hết lô than trên.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014
1. Các chỉ tiêu về khả năng ngắn hạn			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,08	1,12
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,88	0,73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	90,21	83,59
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	921,09	509,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	7,06	5,77
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	1,17	1,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,10	1,33
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,45	13,87
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,45	1,71
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,75	1,53
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cp	5.766	3.617

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Vũ Văn Hà	Chủ tịch
Phạm Hồng Khanh	Ủy viên – Giám đốc
Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên – Phó Giám đốc
Nguyễn Văn Cứ	Ủy viên
Nguyễn Thanh Nga	Ủy viên

a. Chủ tịch: Vũ Văn Hà

Họ và tên	Vũ Văn Hà
Giới tính	Nam
Năm sinh	1958
Quê quán	Huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	010397606
Ngày cấp/Nơi cấp	03/04/2008 Công an Hà Nội cấp
Địa chỉ thường trú	Số 7 ngách 80/164 Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0913210407
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hóa
Quá trình công tác:	

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1982 - 11/1984	Chi nhánh Hóa chất mỏ Quảng Ninh	Cán bộ kỹ thuật
1984 - 1995	Chi nhánh Hóa chất mỏ Quảng Ninh	Trưởng phòng Kế hoạch; Trưởng phòng Kỹ thuật
08/1995 - 02/1999	Xí nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh	Phó giám đốc Xí nghiệp
03/1999 - 09/2002	Xí nghiệp Hóa chất mỏ	Giám đốc Xí nghiệp

	Quảng Ninh	
10/2002 - 05/2012	Tổng công ty Hóa chất mỏ	Tổng Giám đốc
5/2012 đến nay	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng ban Quản lý vốn TKV
4/2015 đến nay	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện nay tại Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ tại các tổ chức khác

Trưởng ban quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó:

6.095.348 CP

- Số cổ phần sở hữu cá nhân:

0

- Số cổ phần được Ủy quyền

6.095.348 CP (đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam)

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

Không

Các khoản nợ đối với công ty

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không

b. Ủy viên: Phạm Hồng Khanh

Họ và tên

Phạm Hồng Khanh

Giới tính

Nam

Năm sinh

1962

Quê quán

Đông Anh – Hà Nội

Quốc tịch

Việt Nam

CMND

001062004256

Ngày cấp/Nơi cấp

22/06/2015 Cục Cảnh sát Đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp

Địa chỉ thường trú Số 29 ngõ 125, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại liên lạc 0913209437

Trình độ văn hóa 10/10

Trình độ chuyên môn Kỹ sư ngành cơ khí đốt trong; Kỹ sư ngành khai thác lộ thiên

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1985 - 08/1986	Xí nghiệp vật tư, vận tải và chế biến than	Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật
09/1986 - 09/1989	Ban kỹ thuật E281 - F369 - Quân chủng phòng không	Trợ lý kỹ thuật - Trạm trưởng trạm kỹ thuật
10/1989 - 09/1995	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Phó phòng - Trưởng phòng Kế hoạch vật tư - Phó giám đốc
10/1995 - 11/2002	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Giám đốc
12/2002 - 11/2005	Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - Công ty Than Nội địa	Giám đốc
12/2005 - 09/2006	Đại học Ngoại ngữ	Sinh viên
10/2006 - 05/2007	Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - Công ty Than Nội địa	Giám đốc
05/2007 - 07/2007	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn – TKV	Giám đốc - Ủy viên HĐQT
08/2007 - 03/2010	Công ty cổ phần XNK Than – TKV (Coalimex)	Giám đốc - Ủy viên HĐQT
04/2010 - 4/2015	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
04/2015 đến nay	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Giám đốc - Ủy viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại Công ty Giám đốc Công ty

Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó:	254.125 CP
- Số cổ phần sở hữu cá nhân:	254.125CP
- Số cổ phần được Ủy quyền	0
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Lương chức danh Giám đốc và thù lao Ủy viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	Cổ tức

c. Ủy viên: Nguyễn Thanh Hải

Họ và tên	Nguyễn Thanh Hải
Giới tính	Nam
Năm sinh	1971
Quê quán	Tứ Kỳ - Hải Hưng
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012208313
Ngày cấp/Nơi cấp	17/03/2010 Công an Hà Nội cấp
Địa chỉ thường trú	Số 17 Ngõ 46, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0903217742
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư tuyển khoáng; Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1993 – 3/1995	Trung tâm KCS - Công ty	Kỹ sư

	Than Cẩm Phả - Quảng Ninh	
4/1995 – 8/1996	Công ty Hóa Chất Mỏ	Kỹ sư
9/1996 – 8/2003	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên, Phó trưởng phòng XNK
9/2003 - 5/2007	Phòng XNK Than – Công ty Coalimex	Trưởng phòng
6/2007 – 9/2012	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin	Phó giám đốc
10/2012 đến nay	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin	Phó giám đốc - Ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó giám đốc Công ty

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức

đăng ký niêm yết. Trong đó: 37.040 CP

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 37.040 CP

- Số cổ phần được Ủy quyền 0

Số cổ phần nắm giữ của những người
có liên quan trong tổ chức đăng ký
niêm yết Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Tiền lương và thù lao Ủy viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng
ký niêm yết Cổ tức

d. Ủy viên: Nguyễn Văn Cứ

Họ và tên Nguyễn Văn Cứ

Giới tính Nam

Năm sinh 1962

Quê quán Đà Nẵng

Quốc tịch Việt Nam

CMND 011349371

Ngày cấp/Nơi cấp 17/05/2008 Công an Hà Nội cấp

Địa chỉ thường trú Số 3 ngõ 1104 Đê La Thành, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại liên lạc 0913234512

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế ngành tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/1986 – 01/1999	Xí nghiệp tuyển than Hòn Gai	Cán bộ, phó trưởng phòng
03/1999 – 12/2004	Công ty XNK và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên, phó trưởng phòng
01/2005 – 03/2010	Công ty cổ phần XNK Than – TKV (Coalimex)	Trưởng phòng
03/2010 đến nay	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng XNK 5 - Ủy viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại Công ty Trưởng phòng XNK 5

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó: 442.724 CP

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 442.724 CP

- Số cổ phần được Ủy quyền 0

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết 119.488 CP

Chi tiết người có liên quan

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đình Thị Vân	Vợ	119.488	1.09%

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Thù lao Ủy viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký
niêm yết Cổ tức

e. Ủy viên: Nguyễn Thanh Nga

Họ và tên Nguyễn Thanh Nga

Giới tính Nữ

Năm sinh 1972

Quê quán Tiền Hải – Thái Bình

Quốc tịch Việt Nam

CMND 034172000016

Ngày cấp/Nơi cấp 28/05/2013 Công an Hà Nội cấp

Địa chỉ thường trú Số 42 Lò Đúc, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại liên lạc 0913513044

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế ngoại thương

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1995 – 10/1997	Phòng Xuất than – Công ty Coalimex	Chuyên viên
10/1997 – 07/2007	Phòng Xuất nhập khẩu 4 – Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Chuyên viên
08/2007 – 3/2015	Phòng Xuất nhập khẩu 4 – Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó trưởng phòng; Trưởng phòng XNK 4
4/2015 đến nay	Phòng Xuất nhập khẩu 4 – Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng XNK4; Ủy viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng phòng
Chức vụ tại các tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó:	18.410CP
- Số cổ phần sở hữu cá nhân:	18.410CP
- Số cổ phần được Ủy quyền	0
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Tiền lương, Thù lao Ủy viên HĐQT
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	Cổ tức

12.2. Ban Giám đốc

Xem chi tiết ở 12.1 Hội đồng quản trị

Phạm Hồng Khanh	Giám đốc
Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc
Phạm Minh	Phó Giám đốc

a. Phạm Hồng Khanh: Xem chi tiết ở 12.1 Hội đồng quản trị

b. Nguyễn Thanh Hải: Xem chi tiết ở 12.1 Hội đồng quản trị

c. Phạm Minh

Họ và tên	Phạm Minh
Giới tính	Nam
Năm sinh	1977
Quê quán	Uông Bí - Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012992473
Ngày cấp/Nơi cấp	08/09/2012 tại Công an Hà Nội cấp
Địa chỉ thường trú	Số 31, Tổ 26, Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà

Nội

Điện thoại liên lạc

0904202468

Trình độ văn hóa

12/12

Trình độ chuyên môn

Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế	Chuyên viên
01/2005 – 01/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam	Chuyên viên
01/2006 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam	Phó trưởng phòng XNK3
08/2007 – 02/2008	Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin	Phó trưởng phòng XNK3
03/2008 – 07/2010	Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin	Quyền trưởng phòng XNK3
08/2010 – 04/2015	Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin	Trưởng phòng XNK3
04/2015 đến nay	Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin	Phó Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại Công ty

Phó Giám đốc

Chức vụ tại các tổ chức khác

Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức

đăng ký niêm yết. Trong đó:

33.968 CP

- Số cổ phần sở hữu cá nhân:

33.968 CP

- Số cổ phần được Ủy quyền

0

Số cổ phần nắm giữ của những người

0

có liên quan trong tổ chức đăng ký

niêm yết

Các khoản nợ đối với công ty

Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác	Tiền lương Phó Giám đốc
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết	Cổ tức

12.3. Ban Kiểm soát

Trần Thế Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
Hoàng Đức Phương	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bùi Thị Minh Thư	Ủy viên Ban Kiểm soát

a. Trưởng ban: Trần Thế Thành

Họ và tên	Trần Thế Thành
Giới tính	Nam
Năm sinh	1962
Quê quán	Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	100976693
Ngày cấp/Nơi cấp	12/02/2006 tại Công an Quảng Ninh cấp
Địa chỉ thường trú	Số 13 M2 Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0913263138
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1979 – 10/1980	Ban kiến thiết I Mỏ than Mông Dương	Nhân viên
11/1980 - 9/1986	Trung cấp kế toán tại Hà Nội	Sinh viên
10/1986 - 12/1994	Phòng Kế toán Mỏ Than Mông Dương và học tại chức Tài chính kế toán(1989- 1994)	Nhân viên

01/1995 – 12/1996	Ban Kế toán Tổng công ty Than Việt Nam.	Chuyên viên
12/1996 – 10/2007	Công ty Than Dương Huy.	Kế toán trưởng
11/2007 – 12/2007	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.	Trưởng ban kiểm soát TKV
01/2008 đến nay	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.	Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ TKV
12/2007 đến nay	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại Công ty Trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức

đăng ký niêm yết. Trong đó: 2.962 CP

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.962 CP

- Số cổ phần được Ủy quyền 0

Số cổ phần nắm giữ của những người 6.309 CP

có liên quan trong tổ chức đăng ký

niêm yết

Chi tiết người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Lê Thị Ngân	Vợ	6.309	0,06%

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết Cổ tức

b. Ủy viên: Hoàng Đức Phương

Họ và tên Hoàng Đức Phương

Giới tính	Nam
Năm sinh	1961
Quê quán	Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	010404251
Ngày cấp/Nơi cấp	27/03/2003
Địa chỉ thường trú	Số 14, Tổ 1, Phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0913528763
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân phiên dịch Ngoại thương

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1984- 05/1987	Trường sĩ quan chỉ huy kỹ thuật không quân	Chiến sĩ
06/1987-11/1987	Xuất ngũ về địa phương	
12/1987- 08/1994	Phiên dịch tại Liên xô	Đội phó
09/1994-02/1996	Nghỉ chờ việc theo chế độ, chờ phân công công tác	
03/1996-12/1999	Công ty hỗ trợ sản xuất và du lịch thương mại	Cán bộ kinh doanh thương mại
01/2000-02/2001	Chi nhánh Công ty vật tư tổng hợp Hà Anh	Phó Giám đốc Chi nhánh
03/2001-12/2001	Công ty XNK và Hợp tác quốc tế	Chuyên viên
01/2002-12/2004	Phòng XNK 1 Công ty XNK và Hợp tác quốc tế	Phó trưởng phòng
01/2005 - 02/2008	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - TKV	Phó trưởng phòng - Ủy viên Ban Kiểm soát
03/2008 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập	Trưởng phòng - Ủy viên Ban Kiểm

	khẩu Than – Vinacomin.	soát
--	------------------------	------

Chức vụ hiện nay tại Công ty Trưởng phòng - Ủy viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó: 47.339 CP

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 47.339 CP

- Số cổ phần được Ủy quyền 0

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Thù lao UV BKS

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết Cổ tức

c. Ủy viên: Bùi Thị Minh Thư

Họ và tên Bùi Thị Minh Thư

Giới tính Nữ

Năm sinh 1972

Quê quán Bắc Ninh

Quốc tịch Việt Nam

CMND 012162755

Ngày cấp/Nơi cấp 07/07/2003

Địa chỉ thường trú Số 18 lô N2 Khu di dân Hồ Đình B, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại liên lạc 0904756969

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1995 – 02/2005	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
3/2006 – 02/2010	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - TKV(Coalimex)	Phó trưởng phòng
3/2010 – 8/2012	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - TKV(Coalimex)	Phó trưởng phòng - Ủy viên Ban kiểm soát
09/2012 đến nay	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin.	Trưởng phòng - Ủy viên Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại Công ty Trưởng phòng - Ủy viên Ban Kiểm soát

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 38.359 CP

- Số cổ phần được Ủy quyền 0

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Thù lao Ủy viên BKS

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết Cổ tức

12.4. Kế toán trưởng: Lê Thị Thu Trang

Họ và tên Lê Thị Thu Trang

Giới tính Nữ

Năm sinh 1978

Quê quán Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

CMND 011904941

Ngày cấp/Nơi cấp 24/10/2009 Công an Hà Nội cấp

Địa chỉ thường trú D4 Tập thể Ngoại thương, Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại liên lạc 0912171718

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ (tiếng Anh)

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế	Chuyên viên
01/2005 – 08/2005	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam	Chuyên viên
09/2005 – 06/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam	Phó trưởng phòng Kế toán tài chính
07/2006 – 11/2009	Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin	Trưởng phòng Kế toán tài chính
12/2009 đến nay	Công ty cổ phần XNK Than - Vinacomin	Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kế toán trưởng

Chức vụ tại các tổ chức khác Không

Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết. Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 76.608 cổ phần

- Số cổ phần được Ủy quyền 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết 212.749 cổ phần

Chi tiết người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Nguyễn Thị Lợi	Mẹ	212.749	1,93%

Các khoản nợ đối với công ty Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác Tiền lương chức danh KTT Công ty

Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký Cổ tức
niêm yết

13. Tài sản

Tại thời điểm 31/12/2014, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết như sau:

(Đơn vị: đồng)

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	18.578.875.126	2.301.984.633	12,39
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.664.959.775	1.228.017.246	11,51
2	Phương tiện vận tải	6.643.807.881	987.446.899	14,86
3	Thiết bị văn phòng	1.270.107.470	86.520.489	6,81
II	Bất động sản đầu tư	187.076.746.020	172.347.105.242	92,13
1	Bất động sản đầu tư	187.076.746.020	172.347.105.242	92,13
	Cộng	205.655.621.146	174.649.089.875	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014)

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 11.439.369.222 đồng.
- Không có tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2014.

Tại thời điểm 30/9/2015, tình hình tài sản của Công ty được chi tiết như sau:

(Đơn vị: đồng)

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	19.088.600.762	2.682.070.551	14,05
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.664.959.775	1.057.026.553	9,91
2	Phương tiện vận tải	7.153.533.517	1.562.119.997	21,84
3	Thiết bị văn phòng	1.270.107.470	62.924.001	4,95
II	Bất động sản đầu tư	128.758.240.515	111.710.246.209	86,76
1	Bất động sản đầu tư	128.758.240.515	111.710.246.209	86,76
	Cộng	147.846.841.277	114.392.316.760	

(Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2015)

Diện tích đất đai Công ty đang quản lý:

S T T	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Thời gian (năm)	Mục đích sử dụng	Thời điểm thực hiện	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
1	47 Quang Trung, Hoàn Kiếm, Hà Nội	574	20	Văn phòng Công ty	15/6/2005	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD692366 ngày 03/10/2008
2	33 Tráng Thi, Hà Nội	1.254,1	30	Xây dựng Tòa nhà văn phòng	12/12/2001	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA495916 ngày 8/4/2010
3	Cống Thôn, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	5.293	50	Trung tâm đào tạo	15/10/1993	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA495835 ngày 11/3/2010

S T T	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Thời gian (năm)	Mục đích sử dụng	Thời điểm thực hiện	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
4	Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh	710	20	Văn phòng CN	01/01/1996	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B1 462919 ngày 8/01/2014
5	Cửa Ông, Cẩm phả, Quảng Ninh	215	20	Văn phòng CN	31/12/1996	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B1 462949 ngày 8/01/2014
6	29-31 Đinh Bộ Lĩnh, T.P HCM	526	50	Tòa nhà văn phòng	09/12/2006	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 829408 ngày 31/01/1997

(Nguồn: Coalimex)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2015

14.1. Kế hoạch kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	
			Giá trị	% Tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.309.038	992.572	-24,18
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	17.461	11.700	-32,99
Vốn Điều lệ	Triệu đồng	48.276	110.000	129,2
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.33	1,18	-

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	%	36,2	10,64	-
Cổ tức	%	20	10	-

(Nguồn: Coalimex)

Tháng 7/2015, công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là 793.550 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 7,96 tỷ đồng, đạt 80% về doanh thu và 68% về lợi nhuận sau thuế so với kế hoạch năm 2015 đặt ra. Đến thời điểm 31/12/2015, doanh thu tạm tính của toàn Công ty là 1.403,87 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm hơn 41%, lợi nhuận tạm tính là 12,155 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm gần 4%. Đây là kết quả phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. Như vậy Coalimex đã huy động mọi nguồn lực để hoàn thành vượt mục tiêu và kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra, cũng như các cam kết với cán bộ công nhân viên trong việc đảm bảo việc kinh doanh và thu nhập ổn định.

14.2. Căn cứ thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để xây dựng và phát triển công ty bền vững, với mục tiêu “An toàn – Đổi mới – Phát triển bền vững”, hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh trung và dài hạn của Công ty, các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện trên từng lĩnh vực đã được xây dựng sát với thực tiễn, phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ, cụ thể:

Công tác Xuất khẩu Than

Với đường lối đổi mới của Đảng, thực hiện những chủ trương, chính sách phát triển của Ngành. Mặt khác với truyền thống và bề dày kinh nghiệm làm công tác xuất khẩu trong nhiều năm và luôn giữ được chữ tín với bạn bè trong và ngoài nước. Công ty đã chủ động quan hệ và duy trì tốt với khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm thị trường mới. Những thị trường truyền thống của Công ty như Trung Quốc, Hàn Quốc, Bungari... Bằng sự cố gắng và chủ động trong kinh doanh, Công ty đã tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng chủng loại than xuất khẩu sang các thị trường mới mở ra triển vọng mới cho việc tăng sản lượng xuất khẩu Than các năm tiếp theo. Từ năm 2012, do suy thoái kinh tế toàn cầu cũng như theo lộ trình của Nhà nước là giảm xuất khẩu than để nhập khẩu than phục vụ các ngành công nghiệp trọng điểm trong nước, sản lượng than và kim ngạch xuất khẩu của Công ty giảm so với các năm trước. Tuy nhiên doanh thu của Công ty vẫn tăng do bù đắp bằng doanh thu cho thuê toà nhà, kinh doanh vật tư trong

nước. Công ty đang tích cực nghiên cứu và xây dựng các hợp đồng nhập khẩu than cho EVN theo phân công nhiệm vụ của Tập đoàn TKV.

Công tác Nhập khẩu

Trong nền kinh tế thị trường, mặc dù Công ty có truyền thống và bề dày kinh nghiệm trong công tác nhập khẩu, nhưng sự cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng quyết liệt, đòi hỏi Công ty luôn coi trọng chữ tín đối với khách hàng, bảo đảm uy tín về cả chất lượng hàng hoá nhập khẩu và thời gian; đồng thời chủ động tìm kiếm thêm thị trường nhập khẩu ngoài ngành. Đây là những điều kiện có tính chất quyết định thúc đẩy sự phát triển của Công ty trong những năm qua. Công ty đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện đường lối của Đảng là cơ giới hoá, hiện đại hoá công nghệ sản xuất, khai thác Than của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Nhiều thiết bị công nghệ mới, hiện đại được nhập về để phục vụ cho các đơn vị sản xuất Than.

Công tác Xuất khẩu lao động

Nắm vững chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; Công ty đã sắp xếp, kiện toàn bộ máy của Chi nhánh Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin tại Hà Nội, tuyển chọn cán bộ có đủ trình độ chuyên môn và ngoại ngữ để đáp ứng được công việc. Khai thác có hiệu quả cơ sở đào tạo nguồn lao động tại Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội.

Công tác đầu tư phát triển

Ngoài những lĩnh vực kinh doanh chủ yếu, Công ty luôn chú trọng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực khác nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Xây dựng và khai thác có hiệu quả Tòa nhà văn phòng cho thuê Coalimex 29-31 Đinh Bộ Lĩnh tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án Tòa nhà Văn phòng 33 Tràng Thi – Hà Nội đưa vào khai thác từ cuối quý I/2014, bước đầu đã đạt những kết quả nhất định, dự kiến đến hết năm 2015 sẽ cho thuê được khoảng 70% diện tích sàn...

14.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Để tập trung khai thác có hiệu quả hai tòa nhà Coalimex building tại 33 Tràng Thi- Hà Nội và 29-31 Đinh Bộ Lĩnh TP Hồ Chí Minh, năm 2015 Công ty không có dự án đầu tư xây dựng mới.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là một tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Dựa vào kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực Công ty và tình hình kinh tế trong gần đây, chúng tôi nhận thấy kế hoạch lợi nhuận năm 2015 của Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch nếu như không có những biến động bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng cho rằng tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự đưa ra quyết định đầu tư của mình.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

V CỔ PHIẾU CHÀO NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/01 cổ phần

3. Mã chứng khoán

Mã cổ phiếu: CLM

4. Tổng số cổ phần dự kiến niêm yết

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 11.000.000 cổ phần (Mười một triệu cổ phần)

Tổng số cổ phần dự kiến niêm yết: 11.000.000 cổ phần (Mười một triệu cổ phần)

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại khoản d, Điều 54 về Điều kiện niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội của Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/7/2012: *“Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”*

Căn cứ quy định trên, khi đăng ký niêm yết, số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của những đối tượng này được tổng hợp theo danh sách dưới đây:

Đối tượng	Chức vụ tại tổ chức niêm yết	Tổng số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số CP hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
Phạm Hồng Khanh	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	254.125	254.125	127.062
Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	37.040	37.040	18.520
Phạm Minh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	33.968	33.968	16.984
Nguyễn Văn Cự	Ủy viên HĐQT	442.724	442.724	221.362
Nguyễn Thanh Nga	Ủy viên HĐQT	18.410	18.410	9.205
Trần Thế Thành	Trưởng Ban kiểm soát	2.962	2.962	1.481
Hoàng Đức Phương	Ủy viên BKS	47.339	47.339	23.670
Bùi Thị Minh Thư	Ủy viên BKS	38.359	38.359	19.180
Lê Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	76.608	76.608	38.304
Tổng cộng		951.535	951.535	475.768

(Nguồn: Coalimex)

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu là một trong những căn cứ làm cơ sở cùng các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty.

$$\text{Giá trị sổ sách (BVS)} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Tổng số cổ phần đang lưu hành: Tổng số cổ phần đã phát hành – Số cổ phiếu quỹ

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2015, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin vào các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
Vốn chủ sở hữu	Đồng	123.659.534.441	128.175.967.709	141.370.460.136

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	CP	4.827.560	4.827.560	11.000.000
BVS	Đồng/CP	25.615	26.551	12.852

6.2. Định giá theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS \times P/B \text{ bình quân}$$

BVS: Giá trị sổ sách của cổ phiếu

P/B bình quân là giá thị trường chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

6.3. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS \times P/E \text{ bình quân}$$

EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân là giá thị trường chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành nghề với Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp định giá phù hợp khác, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CLM sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài được tuân theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm 04/9/2015, theo danh sách chốt cổ đông lưu ký, Công ty không có cổ đông nước ngoài.

8. Các loại thuế có liên quan

- **Đối với Công ty**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với xuất khẩu lao động: áp dụng mức thuế suất 0%
 - ✓ Đối với các mặt hàng khác: áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định của pháp luật.

- **Đối với nhà đầu tư**

Nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán
 - ✓ Đối với tổ chức trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
 - ✓ Đối với tổ chức nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN với tỉ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: thu nhập từ cổ tức của nhà đầu tư tổ chức được miễn thuế.

VI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 2-3-4, Số 2C Thái Phiên, Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 6288 2006 Fax: (04) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại (04) 66644488 Fax: (0511) 66642233

Email: pkf.afchn@pkf.afcvietnam.vn

Websites: <http://www.pkf.afcvietnam.vn>

VII PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ Công ty.
3. Các báo cáo tài chính:
 - Báo cáo tài chính Quý III/ 2015 ;
 - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014;
 - Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ.
4. Giới thiệu văn bản pháp luật có liên quan.

VIII CHỮ KÝ

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2016

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK THAN - VINACOMIN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vũ Văn Hà

GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Khanh

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thế Thành

Lê Thị Thu Trang

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC